

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ hai, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/3/2020	•		
Tuần 30/3-3/4/2020	•		
Tháng 4/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên giao dịch đầu tuần chứng kiến sự sụt giảm mạnh của VN-Index ngay từ những phút đầu tiên. Chỉ số mất điểm trước áp lực của hàng loạt mã bluechips như VIC, VHM, VCB, BID, GAS. Đến phiên chiều, VN-Index duy trì vận động tiêu cực và không thể hồi phục khi sự điều chỉnh diễn ra trên diện rộng. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía bên bán với 339 mã giảm điểm, trong nhóm VN30 có đến 28 mã giảm. Hợp đồng tương lai tất cả các kì hạn sụt giảm mạnh cũng cho thấy sự tiêu cực của tâm lý nhà đầu tư. Tuy vậy, việc giảm sâu của thị trường về sát ngưỡng 650 điểm cũng có thể kích hoạt dòng tiền bắt đáy như trong tuần giao dịch trước. BSC duy trì khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục chờ đợi và duy trì danh mục cổ phiếu ở mức an toàn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 600-615 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Được -1.4%. 13/21 danh mục
Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Được** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường có nhiều biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày -1.4%, con số này của VNINDEX là -4.9%

Phân tích kỹ thuật: DBC_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-33.80 điểm**, đóng cửa 662.26. HNX-Index **-4.07 điểm**, đóng cửa 93.28.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.13)**; **PME (+0.04)**; **HPX (+0.04)**; **DBC (+0.03)**; **HVG (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-5.16)**; **VHM (-3.87)**; **VCB (-3.29)**; **BID (-2.38)**; **GAS (-1.95)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,405 tỷ đồng**, **-16%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.20 điểm. Thị trường có 47 mã tăng, 36 mã tham chiếu 339 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **155.77 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm SVC (76.23 tỷ), MSN (35.14 tỷ) và VPI (12.53 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 8.10 tỷ đồng.

VN-INDEX 662.26

Giá trị: 2405.2 tỷ

-33.8 (-4.86%)

Khối ngoại (ròng): -155,77 tỷ

HNX-INDEX 93.28

Giá trị: 358.01 tỷ

-4.07 (-4.18%)

Khối ngoại (ròng): -8,10 tỷ

UPCOM-INDEX 47.63

Giá trị: 199.54 tỷ

-1.19 (-2.44%)

Khối ngoại(ròng): -4,89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	20.4	-5.11%
Giá vàng	1,623	-0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,637	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,238	0.68%
Tỷ giá JPY/VND	21,967	0.39%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	5.15%
LS TPCP 5 năm	2.8%	6.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	17.8	SVC	-84.9
HPG	17.8	MSN	-35.2
E1VFN30	8.9	VPI	-12.4
VIC	6.5	STB	-11.3
VTP	3.6	BID	-10.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 13/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường có nhiều biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày -1.4%, con số này của VNINDEX là -4.9%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- 4/9 danh mục **Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- 2/3 danh mục **Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

30/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_-1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	-1.4%	-0.3%	-14.7%	-13.4%	-15.4%	-11.5%	12.9%	18.2%
Vật liệu Xây dựng	-2.5%	-1.6%	-27.6%	-32.2%	-33.4%	-32.1%	-33.8%	19.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-2.6%	-2.0%	-19.1%	-21.9%	-20.9%	-18.9%	8.9%	15.3%
Nước & Năng lượng	-3.9%	-1.9%	-23.6%	-31.3%	-35.7%	-31.8%	-2.6%	15.8%
Chiến tranh thương mại	-4.1%	-3.6%	-30.6%	-36.0%	-41.2%	-41.5%	-34.0%	17.1%
BDS & Khu công nghiệp	-4.3%	-1.9%	-25.1%	-31.9%	-34.7%	-32.0%	-10.8%	17.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-4.4%	-3.3%	-26.9%	-33.1%	-37.9%	-42.7%	-12.9%	22.0%
FTSE Việt Nam	-4.4%	2.6%	-21.7%	-28.6%	-31.4%	-30.0%	25.5%	16.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-4.4%	-4.7%	-26.8%	-29.5%	-33.7%	-26.9%	4.9%	16.8%
Xây dựng	-4.4%	-5.7%	-24.7%	-28.4%	-42.9%	-43.8%	-41.5%	19.1%
Hàng tiêu dùng	-4.5%	-4.2%	-27.5%	-32.0%	-41.0%	-36.2%	-9.3%	19.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-4.5%	0.6%	-23.3%	-30.6%	-34.2%	-33.2%	17.7%	15.3%
Lãi suất giảm	-4.6%	-7.8%	-32.7%	-33.0%	-39.8%	-40.5%	-16.7%	18.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-5.5%	-3.1%	-25.5%	-29.7%	-35.2%	-29.9%	-0.1%	16.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-5.6%	-6.9%	-33.8%	-32.9%	-34.5%	-20.9%	23.2%	20.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-5.7%	-7.4%	-29.4%	-30.7%	-34.7%	-23.6%	1.2%	18.7%
VN FinSelect	-5.8%	-6.2%	-29.5%	-25.5%	-27.2%	-26.5%	-6.3%	19.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-6.0%	-5.8%	-31.1%	-26.1%	-27.4%	-26.4%	-1.9%	20.9%
VN Diamond	-6.1%	-8.3%	-31.7%	-30.1%	-34.3%	-23.6%	-0.3%	18.7%
Ngân hàng	-6.7%	-3.5%	-30.6%	-26.1%	-26.1%	-20.7%	19.9%	22.9%
Dầu khí	-7.6%	-6.9%	-34.9%	-45.1%	-49.5%	-49.4%	-33.9%	24.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	-3.4%	-0.8%	-24.2%	-27.6%	-28.2%	-21.3%	21.5%	18.4%
Danh mục 2	-4.2%	-2.5%	-26.3%	-31.2%	-34.0%	-24.0%	4.8%	16.8%
Danh mục 7	-4.4%	-3.6%	-28.1%	-33.8%	-35.6%	-25.8%	4.1%	19.5%
Danh mục 6	-5.8%	-4.7%	-30.1%	-28.9%	-34.5%	-28.7%	0.7%	20.1%
Danh mục 3	-6.2%	-8.8%	-34.6%	-34.6%	-40.9%	-33.6%	-2.1%	21.7%
* Note	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 10	-4.0%	-0.3%	-24.4%	-29.4%	-30.5%	-19.8%	5.4%	16.7%
Danh mục 11	-4.1%	-1.2%	-21.9%	-25.0%	-29.5%	-17.3%	6.9%	17.0%
Danh mục 12	-5.9%	-6.8%	-30.7%	-32.7%	-36.6%	-23.5%	32.8%	18.1%
* Note	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

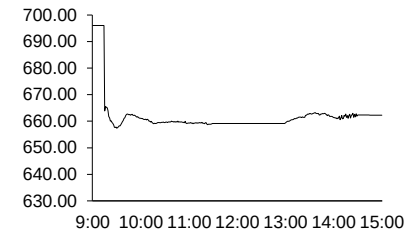
INDEX								
VNINDEX	-4.9%	-0.6%	-24.9%	-30.9%	-33.2%	-32.1%	-7.4%	16.5%
VN30INDEX	-4.5%	-3.1%	-26.3%	-29.5%	-33.2%	-32.0%	-9.3%	16.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh
hanhvuq@bsc.com.vn

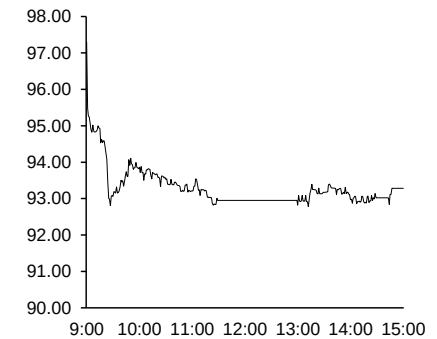
Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	-5.8%
Bất động sản	-5.6%
Công nghệ Thông tin	-5.4%
Bán lẻ	-5.3%
Dầu khí	-5.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.8%
Truyền thông	-4.6%
Ô tô và phụ tùng	-4.4%
Dịch vụ tài chính	-4.3%
Bảo hiểm	-3.4%
Thực phẩm và đồ uống	-3.4%
Hóa chất	-2.8%
Du lịch và Giải trí	-2.3%
Xây dựng và Vật liệu	-2.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.2%
Y tế	-1.2%
Tài nguyên Cơ bản	-1.0%
Viễn thông	0.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DBC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vượt lên trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: DBC đã ở trong trạng thái giảm giá từ đầu năm đến nay với xuất phát điểm là khu vực xung quanh 25. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang có giá trị khá tốt và ổn định. Phiên hôm nay, DBC đã có mức tăng kịch trần để xác lập trạng thái hồi phục ngắn hạn, và là một trong số ít cổ phiếu đi ngược lại thị trường. Các chỉ báo kỹ thuật đang chưa có được sự đồng nhất về trạng thái nhưng cũng dần chuyển sang trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI vừa vượt lên trên giá trị 50 đồng thời đường MACD cũng đang duy trì ở trên đường tín hiệu nên đó có thể là dấu hiệu khởi đầu cho một giai đoạn tươi sáng hơn của cổ phiếu. Theo đánh giá của chúng tôi, DBC có thể sẽ tiếp cận ngưỡng 20.5 trong thời gian tới sau đó tiềm năng đi ngang tích lũy để tìm thêm động lực cho quá trình tăng giá được vững vàng hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

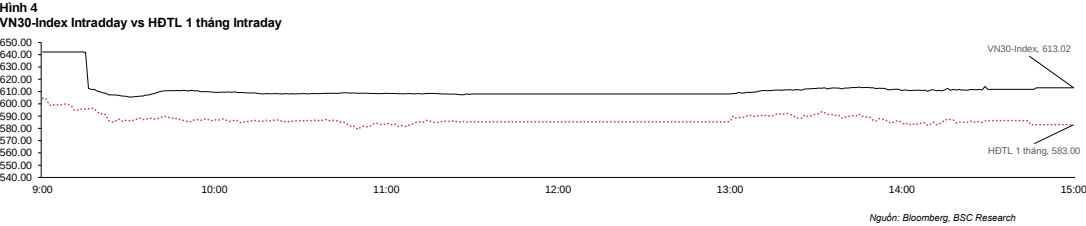
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	583.00	-5.20%	-30.02	-1.0%	202,159	4/16/2020	19
VN30F2005	577.00	-5.41%	-36.02	52.4%	887	5/21/2020	54
VN30F2006	579.20	-4.75%	-33.82	-22.6%	103	6/18/2020	82
VN30F2009	577.20	-4.99%	-35.82	231.1%	149	9/17/2020	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm tiêu cực -29.21 điểm xuống mức 613.02 điểm. Trong điều chỉnh giảm chung của thị trường, các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VIC, VPB, VNM và VHM tác động mạnh nhất đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống gần 605 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại vận động tích lũy quanh 608-612 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 600-615 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2006 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1909	KIS	5/15/2020	46	2:1	248,160	-79.1%	5.0 triệu	31.18%	1,800	70	16.67%	-	
CVIC2001	KIS	12/16/2020	261	5:1	10,230	830.0%	2.0 triệu	28.55%	2,700	1,400	6.06%	91.00	15.38
CHPG2003	MBS	5/4/2020	35	3:1	182,600	285.7%	6.0 triệu	31.18%	1,570	110	0.00%	-	
CMBB2001	HSC	6/22/2020	84	2:1	178,690	-55.5%	5.0 triệu	29.39%	1,600	90	0.00%	0.40	225.00
CREE1905	MBS	6/17/2020	79	3:1	35,300	-20.5%	2.4 triệu	28.96%	2,150	330	-2.94%	16.80	19.64
CDPM2002	KIS	12/16/2020	261	1:1	5,600	-70.0%	2.0 triệu	32.03%	1,700	1,410	-4.73%	320.00	4.41
CVNM2002	KIS	12/16/2020	261	5:1	48,590	32.4%	3.0 triệu	27.21%	3,200	1,130	-5.04%	82.70	13.66
CHPG2004	SSI	6/15/2020	77	1:1	60,880	216.3%	5.0 triệu	31.18%	2,800	180	-5.26%	6.30	28.57
CDPM2001	KIS	6/19/2020	81	2:1	81,010	-50.4%	2.0 triệu	32.03%	1,000	210	-12.50%	24.90	8.43
CFPT1908	MBS	6/17/2020	79	3:1	89,700	16.9%	2.4 triệu	28.60%	3,150	200	-20.00%	13.20	15.15
CSTB2002	KIS	12/16/2020	261	1:1	122,680	-44.6%	3.0 triệu	32.44%	1,700	730	-23.16%	76.90	9.49
CROS2001	KIS	6/19/2020	81	4:1	511,190	57.3%	10.0 triệu	56.86%	1,500	30	-25.00%	-	
CVRE2001	KIS	9/21/2020	175	4:1	341,510	242.8%	8.0 triệu	34.29%	1,500	130	-27.78%	1.70	76.47
CHDB2001	KIS	6/19/2020	81	2:1	240,010	-55.7%	5.0 triệu	31.13%	2,000	70	-30.00%	0.20	350.00
CHDB2003	KIS	12/16/2020	261	2:1	89,510	59.8%	2.0 triệu	31.13%	2,700	390	-32.76%	13.50	28.89
CVPB2001	HSC	6/22/2020	84	2:1	17,620	-96.4%	5.0 triệu	34.68%	1,500	650	-32.99%	311.10	2.09
CSTB2001	KIS	6/19/2020	81	1:1	673,210	103.6%	5.0 triệu	32.44%	1,500	200	-33.33%	4.90	40.82
CFPT1905	SSI	4/22/2020	23	1:1	72,570	837.6%	1.0 triệu	28.60%	9,900	120	-40.00%	-	
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	114	1:1	1,320	n/a	1.5 triệu	34.68%	2,200	760	-62.00%	384.20	1.98
CHDB2004	SSI	5/14/2020	45	1:1	964,010	770.3%	3.0 triệu	31.13%	3,200	10	-75.00%	-	
CVPB2004	SSI	5/14/2020	45	1:1	231,020	-48.9%	3.0 triệu	34.68%	4,100	50	-78.26%	11.60	4.31
Tổng:					4,205,410		81.30 triệu	32.49%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CVPB2003 giảm mạnh -62%. Trái lại, CVIC2001 tăng 6.06%. Giá trị giao dịch giảm -30.87%. CHDB2004 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.54% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB và DPM, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CNVL2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	16.35	0.33	0.34
EIB	15.70	0.00	0.00
NVL	51.90	-0.19	-0.05
ROS	3.50	-6.91	-0.09
MSN	49.10	-0.41	-0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	14.9	-6.88	-3.41
VIC	81.4	-6.22	-3.39
VPB	18.2	-6.91	-3.14
VNM	91.2	-3.08	-2.18
VHM	55.8	-7.00	-2.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1909	28,280	24,680	16,350
CVIC2001	139,968	126,468	81,400
CHPG2003	26,810	22,100	16,350
CMBB2001	24,200	21,000	13,600
CREE1905	39,124	32,977	27,400
CDPM2002	16,952	15,252	11,400
CVNM2002	157,111	141,111	91,200
CHPG2004	26,300	23,500	16,350
CDPM2001	16,567	14,567	11,400
CFPT1908	63,450	54,000	40,400
CSTB2002	13,588	11,888	7,640
CROS2001	32,468	26,468	3,500
CVRE2001	42,789	36,789	19,000
CHDB2001	33,099	29,099	17,250
CHDB2003	37,523	32,123	17,250
CVPB2001	23,000	20,000	18,200
CSTB2001	12,499	10,999	7,640
CFPT1905	64,900	55,000	40,400
CVPB2003	24,200	22,000	18,200
CHDB2004	31,700	28,500	17,250
CVPB2004	28,100	24,000	18,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	59.5	-6.0%	1.0	1,171	4.8	8,655	6.9	2.2	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	48.3	-6.9%	1.3	473	2.2	5,361	9.0	2.4	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	36.0	-5.3%	1.4	1,162	0.8	1,632	22.1	1.4	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	27.7	0.0%	0.6	278	0.1	2,623	10.6	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	81.4	-6.2%	0.9	11,971	3.1	2,268	35.9	3.6	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	19.0	-6.9%	1.1	1,877	1.9	1,253	15.2	1.6	32.2%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	-0.2%	0.8	2,188	0.5	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	27.4	-2.1%	0.9	369	0.7	5,287	5.2	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	8.3	-6.9%	1.5	188	0.2	2,850	2.9	0.6	42.5%	20.3%
SSI	Chứng khoán	11.5	-6.9%	1.3	259	1.2	1,787	6.4	0.6	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	14.8	-6.9%	1.0	106	0.1	4,218	3.5	0.6	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	11.5	-6.9%	1.7	153	0.9	1,421	8.1	0.8	54.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	40.4	-6.3%	0.8	1,191	3.8	4,631	8.7	2.0	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	41.0	0.0%	0.4	443	0.0	4,812	8.5	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	54.6	-6.2%	1.5	4,544	1.3	6,092	9.0	2.2	3.5%	25.4%
PLX	Dầu khí	35.8	-9.4%	1.5	1,854	1.1	3,495	10.2	1.8	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	9.3	-8.8%	1.5	193	1.7	1,529	6.1	0.4	17.0%	6.2%
BSR	Dầu khí	4.9	-10.9%	0.8	661	0.5	898	5.5	0.4	41.1%	8.5%
DHG	Dược	78.9	-2.6%	0.5	449	0.1	4,668	16.9	3.1	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.4	-2.1%	0.6	194	0.5	774	14.7	0.6	18.2%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.4	-5.0%	0.5	123	0.1	600	8.9	0.5	1.8%	5.2%
VCB	Ngân hàng	61.0	-4.8%	1.2	9,837	4.3	5,003	12.2	2.8	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	30.9	-6.4%	1.6	5,403	1.8	2,366	13.1	1.7	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	17.7	-6.8%	1.3	2,865	5.7	2,541	7.0	0.9	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	18.2	-6.9%	1.2	1,929	0.7	3,379	5.4	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	13.6	-6.8%	1.1	1,426	4.3	3,476	3.9	0.8	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	18.2	-7.6%	1.1	1,311	4.7	3,694	4.9	1.1	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	34.4	-1.9%	0.9	122	0.2	5,165	6.7	1.1	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	27.1	-1.5%	0.3	116	0.0	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	16.4	0.9%	1.0	1,963	7.5	2,588	6.3	0.9	36.6%	17.1%
HSG	Thép	4.7	-7.0%	1.7	86	1.0	1,161	4.0	0.3	17.7%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	91.2	-3.1%	0.7	6,905	6.2	5,478	16.6	5.8	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	121.1	-6.6%	0.8	3,376	0.1	7,477	16.2	4.1	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.1	-0.4%	0.9	2,495	2.9	4,772	10.3	1.3	36.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.0	-4.4%	0.7	330	0.9	508	25.5	1.1	6.1%	4.4%
ACV	Vận tải	42.6	-3.2%	0.8	4,032	0.3	2,630	16.2	3.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	96.5	-0.4%	1.1	2,198	0.5	7,889	12.2	3.3	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	18.1	-6.2%	1.7	1,116	0.8	1,640	11.0	1.4	9.7%	12.8%
GMD	Vận tải	15.1	-5.0%	0.9	195	0.2	1,595	9.5	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	7.7	-4.2%	0.9	94	0.3	2,421	3.2	0.5	28.9%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	52.1	-0.8%	1.1	362	0.9	8,824	5.9	2.4	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	13.8	-1.8%	0.7	269	0.1	1,453	9.5	1.0	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.5	-3.2%	0.8	174	0.0	1,941	5.4	0.7	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	48.3	-5.5%	1.1	160	0.3	8,858	5.5	0.4	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.6	0.0%	0.7	472	0.2	1,567	15.7	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.0	-2.7%	0.4	194	0.3	2,769	6.5	0.8	47.9%	12.9%
POW	Điện	7.1	-6.3%	0.6	727	2.0	1,064	6.7	0.6	12.3%	9.7%
NT2	Điện	16.6	-0.6%	0.6	208	0.2	2,560	6.5	1.2	17.6%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	16.35	0.93	0.12	10.87MLN
PME	55.10	3.57	0.04	19490.00
HPX	28.45	2.34	0.04	206420.00
DBC	18.85	6.80	0.03	638140.00
HVG	5.26	6.91	0.02	7160.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	-0.01	-5.22	881240.00	1.11MLN
VHM	-0.01	-4.02	929820.00	607060.00
VCB	0.00	-3.28	1.64MLN	373600.00
BID	-0.01	-2.41	1.37MLN	192700.00
GAS	-0.01	-1.97	556090.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPS	8.58	6.98	0.00	880.00
COM	46.20	6.94	0.01	490.00
SCD	23.20	6.91	0.00	3700.00
HVG	5.26	6.91	0.02	7160.00
SFI	19.35	6.91	0.01	560.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	35.80	-9.37	-1.37	728950.00
NTL	15.10	-8.48	-0.03	237190.00
CKG	8.37	-7.00	-0.01	30050.00
HSG	4.65	-7.00	-0.04	4.74MLN
HU3	6.51	-7.00	0.00	60.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDJ	15.50	6.90	0.03	183100.00
PHP	9.30	9.41	0.03	300.00
CTB	30.80	10.00	0.02	200.00
DHT	44.00	3.53	0.02	4900.00
PTI	19.00	4.40	0.02	10700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	18.20	-7.61	-2.40	5.92MLN
SHB	11.90	-4.03	-0.66	4.33MLN
PVS	9.30	-8.82	-0.22	4.14MLN
SHS	5.60	-9.68	-0.09	1.23MLN
VIF	15.30	-10.00	-0.06	1300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

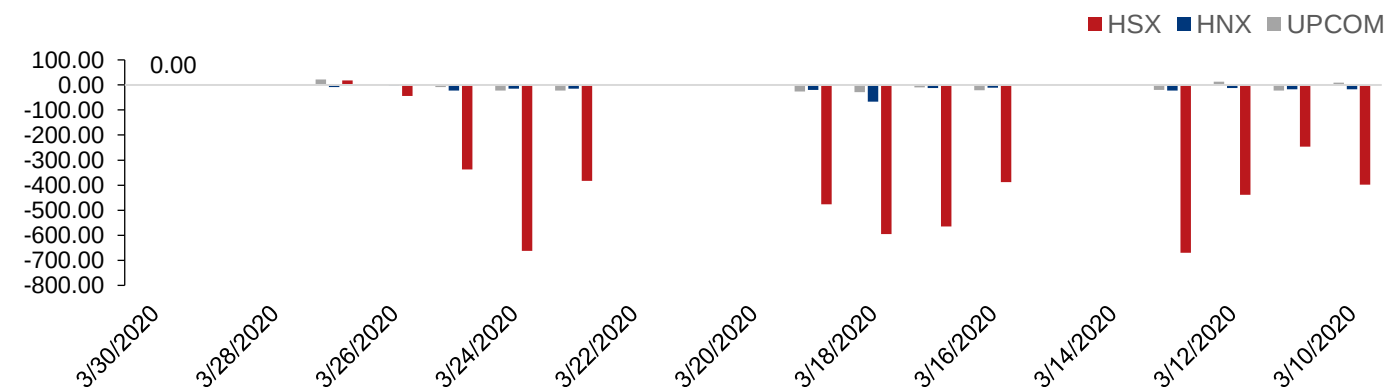
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTB	30.80	10.0	0.02	200.00
TPP	11.00	10.0	0.01	100.00
TTT	37.00	9.8	0.00	300.00
DNM	20.20	9.8	0.01	4900.00
S55	21.50	9.7	0.01	2500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.50	-16.67	0.00	121200.00
VIG	0.60	-14.29	0.00	274600.00
KVC	0.70	-12.50	-0.01	437900.00
PVX	0.70	-12.50	-0.02	739300.00
CVN	8.10	-10.00	0.00	6300.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	15.1	1,595	9.5	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	18.2	3,694	4.9	1.1	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.1	1,820	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	121.1	7,477	16.2	4.1	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	18.8	1,688	11.1	1.3	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	91.2	5,478	16.6	5.8	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	9.7	2,690	3.6	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	59.5	8,655	6.9	2.2	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	21.1	7,380	2.9	0.8	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	40.4	4,631	8.7	2.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.5	2,109	7.3	1.1	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	17.5	3,897	4.5	0.8	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	78.9	4,668	16.9	3.1	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.3	4,313	5.2	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	48.3	5,361	9.0	2.4	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	7.7	2,421	3.2	0.5	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	133.9	14,782	9.1	3.7	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	7.2	0	20.3	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	59.5	8,655	6.9	2.2	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	18.2	3,694	4.9	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND. P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn